

Số: 65 /TB-UBND

Đông A, ngày 14 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

**Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương
Quý III năm 2025 và thực hiện 9 tháng năm 2025**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Ủy ban nhân dân phường Đông A thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý III năm 2025 và thực hiện 9 tháng năm 2025 (Có kèm theo chi tiết kèm theo).

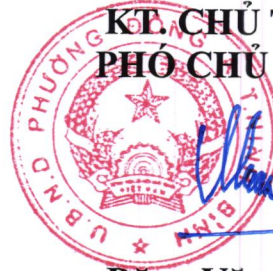
Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử phường Đông A.

Ủy ban nhân dân phường trân trọng thông báo để các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình;
- Đảng uỷ phường;
- HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Công TTĐT phường;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Mịch

BÁO CÁO
Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán
ngân sách địa phương Quý III năm 2025 và thực hiện 9 tháng năm 2025
(Kèm theo Thông báo số 65/TB-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Đông A)

1. Về thu ngân sách (Biểu số 113/CK-NSNN; 114/CK-NSNN)

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phường Hội đồng nhân dân giao 248.377 triệu đồng. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phường quý III năm 2025 thực hiện 258.124,447, đạt 104%, trong đó ngân sách phường được điều hành là 175.445,786 triệu đồng, đạt 122% so với dự toán; 9 tháng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phường thực hiện 309.040,81, đạt 124%, trong đó ngân sách phường được điều hành hiện 193.943 triệu đồng, đạt 135% dự toán HĐND phường giao.

Trong đó:

- Thu nội địa quý III năm 2025 thực hiện 38.920 triệu đồng, đạt 67% dự toán; 9 tháng thực hiện: 44.590 triệu đồng, đạt 77% so với dự toán giao.

- Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất thì thu nội địa quý III thực hiện 9.493 đạt 108% dự toán; 9 tháng thực hiện: 15.163 triệu đồng, đạt 173% dự toán.

Một số khoản thu 9 tháng thực hiện đạt cao so với tiến độ dự toán HĐND phường giao như: Thu khác ngân sách đạt 119% so với dự toán; Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 294% so với dự toán; Thu lệ phí trước bạ đạt 112% so với dự toán; Thu phí, lệ phí đạt 243% so với dự toán; Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản đạt 596% so với dự toán; thuế thu nhập cá nhân đạt 110%...

Kết quả đạt được này là do Đảng ủy, HĐND, UBND phường, các ngành, địa phương triển khai thực hiện nghiêm chỉ đạo của cấp trên về thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong điều kiện còn nhiều khó khăn nhưng với sự điều hành sát sao, có trọng tâm, trọng điểm của chính quyền địa phương, nguồn thu địa phương được duy trì và phát triển ổn định.

Một số khoản thu mặc dù phần ngân sách được điều tiết đã đạt và vượt dự toán nhưng tại phần thu NSNN vẫn đạt thấp do dự toán tỉnh giao tăng so với dự toán các xã, phường cũ cộng gộp lại, tỷ lệ điều tiết 6 tháng cuối năm thay đổi so với 6 tháng đầu năm như: Lệ phí trước bạ đạt 40% dự toán; Thuế sử dụng đất phi Nông nghiệp đến tháng 9 chưa triển khai thu (do chưa có sổ bộ năm 2025) đạt 40% dự toán.

2. Về chi ngân sách (Biểu số 115/CK TC-NSNN)

Dự toán chi ngân sách nhà nước được Hội đồng nhân dân phường giao: 143.372 triệu đồng. Chi ngân sách địa phương quý III năm 2025 thực hiện 94.109 triệu đồng, đạt 66% dự toán; 9 tháng thực hiện 104.127 triệu đồng, đạt 73% dự toán Hội đồng nhân dân phường giao. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển 9 tháng thực hiện: 18.893 triệu đồng, đạt 38% so với dự toán;

- Chi thường xuyên 9 tháng thực hiện: 85.233 triệu đồng, đạt 91% so với dự toán; Trong đó: Quý III thực hiện 78.343 triệu đồng, đạt 83% dự toán.

Chi ngân sách địa phương về cơ bản đã đảm bảo nguồn kinh phí đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên của các cấp, các ngành theo dự toán, đặc biệt là các khoản chi lương, thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn. Công tác quản lý chi ngân sách nhà nước được tăng cường đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả./.

BIỂU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III, 9 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 65/TB-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Đông A)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán năm	Quý III năm 2025	Thực hiện 9 tháng năm 2025	So sánh (%)
I	Tổng số thu	143.372.399	175.444.786	193.942.754	135%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	905.000	424.051	4.274.851	472%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	57.378.399	38.495.974	40.315.218	70%
3	Thu bổ sung	85.089.000	110.729.388	119.532.536	140%
	- Bổ sung cân đối ngân sách	16.280.000	9.838.000	12.317.000	76%
	- Bổ sung có mục tiêu	68.809.000	100.891.388	107.215.536	156%
4	Thu chuyển nguồn		25.795.373	29.820.149	
II	Tổng số chi	143.372.399	94.109.670	104.126.982	73%
1	Chi đầu tư phát triển	49.514.399	15.766.328	18.893.509	38%
2	Chi thường xuyên	93.011.000	78.343.342	85.233.473	92%
3	Dự phòng	847.000			0%

BÁO CÁO THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III VÀ 9 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 65/TB-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Đông A)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán tính giao		Dự toán phường giao		Thực hiện quý III năm 2025		Thực hiện 9 tháng		So sánh% THQ3/DTP		So sánh% TH9T/DTP	
		Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=5/3	10=6/4	11=7/3	12=8/4
	Tổng số thu ngân sách	248.377.000	110.958.000	248.377.000	143.372.399	258.124.447	175.444.786	309.040.810	193.942.754	104%	122%	124%	135%
	Thu nội địa (I+II)	163.288.000	25.869.000	163.288.000	58.283.399	121.599.686	38.920.025	159.688.125	44.590.069	74%	67%	98%	77%
	Thu nội địa (trừ thu tiền đất)	50.288.000	8.769.000	50.288.000	8.769.000	25.369.258	9.492.713	39.528.317	15.162.757	50%	108%	79%	173%
I	Các khoản thu 100%	905.000	905.000	905.000	905.000	603.907	424.051	4.462.848	4.274.851	67%	47%	493%	472%
1	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	670.000	670.000	670.000	670.000	161.540	161.540	3.994.540	3.994.540	24%	24%	596%	596%
2	- Thu khác	235.000	235.000	235.000	235.000	442.367	262.511	468.308	280.311	188%	112%	199%	119%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	162.383.000	24.964.000	162.383.000	57.378.399	120.995.779	38.495.974	155.225.277	40.315.218	75%	67%	96%	70%
	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý					1.742.915		1.742.915					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	13.000		13.000		17.713		17.713		136%		136%	
	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước có vốn đầu tư nước ngoài					587.287		587.287					
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	20.150.000	1.630.000	20.150.000	1.630.000	11.537.548	4.622.686	12.403.078	4.795.792	57%	284%	62%	294%
3	Lệ phí trước bạ	15.145.000	811.000	15.145.000	811.000	4.449.843	754.271	5.996.816	908.969	29%	93%	40%	112%
4	Thuế sử dụng đất phi Nông nghiệp	1.690.000	1.183.000	1.690.000	1.183.000	319.580	223.706	674.899	472.429	19%	19%	40%	40%
5	Thuế thu nhập cá nhân	9.680.000	3.288.000	9.680.000	3.288.000	5.409.001	3.089.562	10.519.205	3.600.583	56%	94%	109%	110%
6	- Phi, lệ phí	205.000	169.000	205.000	169.000	473.035	378.437	561.423	410.022	231%	224%	274%	243%
7	Thu tiền sử dụng đất	113.000.000	17.100.000	113.000.000	49.514.399	96.230.428	29.427.312	120.159.808	29.427.312	85%	59%	106%	59%
8	Thu tiền thuế đất, mặt nước	2.500.000	783.000	2.500.000	783.000	228.429	-	2.562.133	700.111	9%	0%	102%	89%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)												
IV	Thu chuyển nguồn												
V	Thu kết dư ngân sách năm trước					25.795.373	25.795.373	29.820.149	29.820.149				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	85.089.000	85.089.000	85.089.000	85.089.000	110.729.388	110.729.388	119.532.536	119.532.536	130%	130%	140%	140%
1	Bổ sung cân đối ngân sách	16.280.000	16.280.000	16.280.000	16.280.000	9.838.000	9.838.000	12.317.000	12.317.000	60%	60%	76%	76%
2	Bổ sung có mục tiêu	68.809.000	68.809.000	68.809.000	68.809.000	100.891.388	100.891.388	107.215.536	107.215.536	147%	147%	156%	156%

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III VÀ 9 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 65/TB-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Đông A)

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN TỈNH GIAO 2025	DỰ TOÁN PHƯƠNG GIAO 2025	Trong đó:		Thực hiện quý III năm 2025	Thực hiện 9 tháng năm 2025	So sánh % THQ3/DTP	So sánh % TH9T/DTP
				DT Giao chi cần đối	DT giao Chi mục tiêu để thực hiện các chế độ chính sách, chương trình, nhiệm vụ từ ngân sách tỉnh				
A	B	I	2=4+8	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CHI (A+B)	110.958.000	143.372.399	74.563.399	68.809.000	94.109.670	104.126.982	66%	73%
A	TỔNG CHI CẦN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	42.149.000	143.372.399	74.563.399	68.809.000	94.109.670	104.126.982	66%	73%
I	Chi XDCB	17.100.000	49.514.399	49.514.399	68.809.000	15.766.328	18.893.509	32%	38%
II	Chi thường xuyên	25.049.000	93.858.000	25.049.000	68.809.000	78.343.342	85.233.473	83%	91%
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	297.000	63.225.000	297.000	62.928.000	42.988.242	43.024.125	68%	68%
2	Chi sự nghiệp môi trường		2.228.022	328.022	1.900.000	219.110	1.271.867	10%	57%
3	Chi đảm bảo xã hội		2.731.733	1.024.733	1.707.000	5.449.700	6.375.293	199%	233%
	- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác		896.000	896.000		588.000	735.000	66%	
	- Trợ cấp xã hội		1.707.000	-	1.707.000	4.820.600	5.505.831	282%	323%
	- Khác		128.733	128.733		41.100	134.462	32%	104%
4	Chi quản lý hành chính		19.455.040	19.455.040		26.930.374	31.027.716	138%	159%
	- Quản lý Nhà nước		11.111.118	11.111.118		16.270.355	18.790.486	146%	169%
	- Đảng Cộng sản Việt Nam		4.721.258	4.721.258		4.711.909	5.581.590	100%	118%
	- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam		3.622.663	3.622.663		5.948.110	6.655.640	164%	184%
5	Chi cho công tác Dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	23.905.000	1.994.958	1.994.958		1.276.062	1.705.374	64%	85%
	- Chi dân quân tự vệ		693.243	693.243		490.405	619.510	71%	89%
	- Chi trật tự an toàn xã hội		1.301.715	1.301.715		785.657	1.085.864	60%	83%
6	Chi sự nghiệp kinh tế		2.808.683	534.683	2.274.000	745.725	773.033	27%	28%
	- Giao thông		292.399	292.399		333.654	333.654	114%	114%
	- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản		216.236	216.236		281.973	309.281	130%	143%
	- Thị chính		2.274.000	-	2.274.000			0%	0%
	- Các hoạt động kinh tế khác		26.048	26.048		130.098	130.098	499%	499%
7	Chi sự nghiệp y tế		48.353	48.353		23.003	48.353	48%	100%
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		1.500	1.500			1.500	0%	100%
9	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin		288.854	288.854		578.825	682.479	200%	236%
10	Chi sự nghiệp phát thanh		218.357	218.357		132.301	249.832	61%	114%
11	Chi khác		10.500	10.500			73.901	0%	704%
III	Dự phòng ngân sách	847.000	847.000	847.000					

Đơn vị: 1000 đồng

B	Chi mục tiêu để thực hiện các chế độ chính sách, chương trình, nhiệm vụ từ ngân sách tỉnh	68.809.000	-	-					
1	Kinh phí bổ sung cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục	59.928.000							
2	Kinh phí bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	1.707.000							
3	Kinh phí tăng biên chế giáo viên	3.000.000							
4	Bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp các nhiệm vụ cấp huyện chuyển về cấp xã (thị chính, môi trường,...)	4.174.000							